2 Prepositions (Giới từ)

THEORY (LÝ THUYẾT)

Giới từ là từ hoặc nhóm từ được dùng nhất là trước danh từ hay động từ dùng để chỉ nơi chốn, vị trí, thời gian, và cách thức.

Eg: in, on, at, front of, from, …

1. Một số giới từ cơ bản trong tiếng Anh và cách sử dụng:

Giới từ "IN"

Chỉ nơi chốn	Chỉ thời gian
Được dùng để chỉ vị trí bên trong những vùng rộng lớn hay vật được bao bọc xung quanh. **Eg:** We are **in** the classroom She lives **in** the city	+ Các buổi trong ngày In + the…. (morning, the afternoon, the evening...) **But "at"** at night, at noon, at dark, at dawn, at midnight… (Các khoảnh khắc ngắn trong ngày) In december, in april… In 2012, in 2020… In spring, in summer…
"IN" được dùng chủ yếu với + Các vùng rộng lớn **Eg:** in the world= all over the world, in Europe, in Vietnam, in Australia… + Thành phố hay một phần thành phố **Eg:** in Hanoi, in Ho Chi Minh city, in the suburds of the city = on the outskirts of the city, in the centre of the city… + Bên ngoài khu vực **Eg:** in the garden, in the playground…. + Phòng (ở, cơ quan, xí nghiệp…) **Eg:** in the sitting room, in the living room, in the guest room, in the bedroom, in the kitchen…	
Một số cách dùng đặc biệt của giới từ "IN" + in time (kịp lúc, vừa kịp cho) + in the street (trên đường) + in my opinion, … (theo quan điểm của tôi, theo ý tôi…) + in good weather (thời tiết đẹp) + in (the) newspaper… (trong báo…) + in (the/a) middle of (the) + N (ở giữa…) (in + N-chỉ ngôn ngữ) (bằng tiếng ….) **Eg:** Translate the text into Vietnamese, this text is written in English.	

Giới từ "ON"

Chỉ nơi chốn	Chỉ thời gian
Giới từ "ON" dùng để chỉ vị trí trên một đường	**"On"**

LIVEWORKSHEETS

thẳng hay trên một bề mặt. **Eg:** B is **on** AC	+ Thứ trong tuần On Monday, …
Eg: The children are swimming + (in/on) the river (đang bơi ngoài sông) • **on the river (floating, on the surface of the water** • **in the river (in the water, under the surface)** The chalk is **on** the table An electronic fan is **on** the celling **on** horseback (trên lưng ngựa) **on** foot (đi bộ= đi bằng chân) **on** TV, **on** radio, **on**+ các media (phương tiện truyền thông thông tin đại chúng) **on** the beach…….	+ Ngày, tháng On 10th December, on 25th April…. (đọc là: on the 10th of December) + Ngày, tháng, năm On 25 April, 2020… + Các buổi + ngày/ thứ On Saturday morning, …. + On time: đúng giờ (ở mức độ chính xác đến 95% trở lên)

Giới từ "AT"

Chỉ nơi chốn	Chỉ thời gian
"at" để chỉ vị trí tại một địa điểm (at + **N-nơi chốn nhỏ/ địa điểm nhỏ)** **"at" được dùng chủ yếu với** + Khu vực hoặc toà nhà công cộng + Dùng để chỉ địa chỉ của ai đó (at + số nhà, tên phố/ tên đường) at 20 Tran Phu street… + Sự kiện, lễ hội **Note: arrive at VÀ arrive in** - arrive at: Chỉ nơi chốn nhỏ (trừ thành phố hay đất nước) - arrive in: Chỉ thành phố hay đất nước	**"at"** **+ Giờ** at 10 a.m, at 3 p.m… **+ Các khoảnh khắc/ buổi ngắn trong ngày** at noon, at dark… **+ Các ngày lễ (có TÊN)** at Christmas…… + the weekend + Tuổi at 16= at the age of 16…. **But "on"** + Tên ngày lễ + các buổi (day/ morning/ afternoon/ night/ midnight...) on Christmas **day**

LIVEWORKSHEETS

Giới từ có tính từ, động từ

a. Một số động từ kép thường gặp:

- turn on	bật, mở	- turn off	tắt
- turn down	vặn nhỏ	- turn up	vặn lớn
- look for	tìm kiếm	- look after	chăm sóc = take care of
- go on	tiếp tục = continue	- give up	từ bỏ = stop
- wait for	chờ, đợi	- depend on	dựa vào
- go out	đi chơi	- come back	quay về
- throw away	quăng, ném	- run out (of)	cạn kiệt
- impressed by	có ấn tượng bởi	- keep in touch	giữ liên lạc
- consist of	bao gồm	- divide into	chia ra thành
- take part in - participate in	tham gia vào	- proud of	tự hào về
- learn by heart	học thuộc lòng	- speak … to	nói chuyện với
- come from	bắt nguồn từ	- listen to	nghe
- worried about	lo lang ve	- pick up	đón rước

b. Một số tính từ có giới từ đi kèm:

- interested in	thích, quan tâm	- bored with	chán
- fond of	thích thú	- afraid of	sợ
- capable of	có khả năng	- next to	kế bên
- late for	trễ	- good at	giỏi về
- busy with	bận rộn	- different from	khác với
- belong to	thuộc về	- borrow from	mượn từ
*- It's very kind **of** you **to-inf***		*Bạn thật tốt bụng khi ….*	

EXERCISE (BÀI TẬP)

Choose the word or phrase among A, B, C or D that best fits the blank space in the following passage.

1. Mary doesn't mind living_____ her own.

A. with B. by C. on D. at

2. It is of great importance to create a good impression _____ your interviewer.

A. on B. about C. for D. at

3. When are you leaving_____ Hanoi?

A. toward B. forward C. for D. to

4. The children are excited_____ going to the circus.

A. for B. about C. with D. of

5. While studying, he was financially dependent_____ his parents.

A. to B. of C. on D. from

6. This town is famous_____ its hand-woven carpets.

LIVEWORKSHEETS

A. for B. with C. at D. on

7. He may be quick _____ understanding, but he is not capable _____ remembering anything.

A. at/for B. of/ for C. at/ of D. in/ of

8. He is_____ a lot of study pressure to win a place at university.

A. for B. under C. in D. with

9. The flood was responsible_____ damaging the crop.

A. of B. with C. about D. for

10. You should concentrate _____ what the interviewer is saying and make a real effort to answer all the questions the interviewer asks.

A. on B. in C. at D. for

11. _____ Christmas Eve, people often have parties late at midnight.

A. in B. at C. on D. from

12. Are you aware _____ the time?

A. with B. of C. at D. about

13. Are you getting _____ well at college?

A. in B. over C. off D. on

14. She has been living in the country_____ the beginning of the summer.

A. for B. at C. during D. since

15. Yesterday, I was talking _____ my doctor _____ a mysterious epidemics near here.

A. with/ on B. to/ about C. to/ out of D. with/ over

16. He was happy because his poems had been translated _____ several languages.

A. into B. for C. over D. about

17. Damage to the building resulted_____ an usually high wind.

A. from B. in C. about D. for

18. It was very kind_____ you to give up so much of time to help me.

A. about B. for C. to D. of

19. Endangered species are plant and animal species which are _____ danger of extinction.

A. on B. in C. at D. by

20. Toxic chemicals in the air and land have also driven many species _____ the verge of extinction.

A. of B. about C. at D. to

21. Maintaining biodiversity is important _____ us in many ways.

A. in B. for C. from D. by

22. We benefit greatly _____ the medicines and other products that biodiversity provides.

A. from B. without C. for D. at

LIVEWORKSHEETS

23. Governments have enacted laws to protect wildlife _____ commercial trade and overhunting.

A. from B. without C. for D. at

24. It's is enough to dip_____ this book.

A. for B. at C. into D. about

25. Not all books belong _____ this class.

A. in B. to C. for D. at

26. When you pick _____ a book for the first time, check that it is not too difficult.

A. in B. since C. on D. up

27. A game is divided _____ quarters.

A. from B. into C. at D. of

28. Vietnam carried _____ an intensive program for its athletics, which included training in facilities, both home and abroad.

A. for B. at C. out D. of

29. They considered women to be better suited _____ childbearing and homemaking.

A. of B. on C. to D. for

30. Do you know anyone who might be interested _____ buying an old car?

A. on B. in C. with D. about

31. Mozart died _____ Vienna in 1791 _____ the age of 35.

A. in / on B. in / at C. at / in D. of / for

32. Plant and animal extinction leads _____ loss of biodiversity.

A. on B. in C. into D. to

33. The initiative for founding the Red Cross came _____ a Swiss man called Jean Henri Dunant.

A. from B. with C. through D. to

34. Pay attention _____ all traffic signs when you are travelling in the street.

A. for B. on C. to D. from

35. Reviewers describe books _____ "hard-to-put-down", or "hard-to-pick-up-again".

A. as B. for C. into D. in

LIVEWORKSHEETS